

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SYT-NVYD

Điện Biên, ngày tháng 10 năm 2024

V/v thông báo khả năng tiếp nhận
thẻ BHYT đăng ký KCB ban đầu
tại các cơ sở khám bệnh, chữa
bệnh BHYT.

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội tỉnh Điện Biên

Thực hiện Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế Quy định đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu và chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; Quy chế phối hợp số 1845/QC-SYT-BHXXH ngày 15/12/2020 của Sở Y tế và Bảo hiểm xã hội tỉnh Điện Biên; Biên bản làm việc giữa BHXH tỉnh và Sở Y tế về phân bổ số lượng thẻ BHYT đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu cho người tham gia BHYT tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Sở Y tế thông báo khả năng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu cho người tham gia bảo hiểm y tế tại 136/139 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT trên địa bàn tỉnh Điện Biên (danh sách các cơ sở theo phụ lục đính kèm), cụ thể như sau:

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến tỉnh: 02 đơn vị.
2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện (Bệnh viện, Phòng khám đa khoa khu vực, Trạm y tế), 132 đơn vị:
 - Bệnh viện tuyến huyện: 10 bệnh viện.
 - 01 Bệnh viện của Công an tỉnh.
 - Phòng khám đa khoa khu vực: 07 Phòng khám đa khoa.
 - Trạm y tế xã/phường/thị trấn: 114 Trạm Y tế.
3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài công lập: 02 Phòng khám đa khoa.

Trên đây là thông báo khả năng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu cho người tham gia bảo hiểm y tế tại 136/139 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT trên địa bàn tỉnh Điện Biên của Sở Y tế; kính gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo SYT;
- Các phòng chức năng SYT;
- Các BV tuyến tỉnh;
- Trung tâm KSBT;
- TTYT các huyện, thị xã, thành phố;
- BV 7/5 Công an tỉnh;
- PKĐK Thanh Hải, Bình An;
- Lưu VT, NVYD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ A Sử

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KCB ĐỦ ĐIỀU KIỆN KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT NĂM 2025

(Đính kèm Công văn số: /SYT-NVYD ngày /10/2024 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên)

STT	Cơ sở y tế	Mã cơ sở y tế	Mã cấp trên	Tuyên chuyên môn kỹ thuật	Hạng bệnh viện	Loại hình hoạt động	Phạm vi hoạt động	Khả năng tiếp nhận thẻ BHYT
1	2	3	4	5	6	7	8	11
1	Bệnh viện đa khoa Tỉnh	11001	11001	Tỉnh	Hạng 1	Công lập	BV - Bệnh viện đa khoa	41 355
2	Trung tâm y tế thành phố Điện Biên Phủ	11002	11002	Huyện	Hạng 2	Công lập	BV - Bệnh viện đa khoa	48 692
3	Trạm y tế phường Tân Thanh	11004	11002	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 067
4	Trạm y tế phường Thanh Bình	11005	11002	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 987
5	Trạm y tế phường Him Lam	11006	11002	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 267
6	Trạm y tế phường Noong Bua	11007	11002	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 460
7	Trạm y tế xã Thanh Minh	11008	11002	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 004
8	Trạm y tế phường Nam Thanh	11009	11002	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 028
9	Trạm y tế phường Thanh Trường	11010	11002	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 081
10	Trạm y tế xã Mường Phăng	11021	11002	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	6 565
11	Trạm y tế Nà Tấu	11119	11002	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	3 937
12	Trạm y tế xã Nà Nhạn	11121	11002	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	3 188
13	Trạm y tế Pa Khoang	11176	11002	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	3 488
14	Trung tâm y tế huyện Điện Biên	11011	11011	Huyện	Hạng 2	Công lập	BV - Bệnh viện đa khoa	38 024
15	Phòng khám đa khoa KV Mường Nhà	11012	11011	Huyện	Chưa xếp hạng	Công lập	PK - Phòng khám đa khoa	10 263
16	Trạm y tế xã Thanh Nưa	11015	11011	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 535
17	Trạm y tế xã Thanh Xương	11017	11011	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	4 033
18	Trạm y tế xã Thanh An	11018	11011	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 987
19	Trạm y tế xã Sam Mứn	11019	11011	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	3 149
20	Trạm y tế xã Thanh Yên	11020	11011	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 007

STT	Cơ sở y tế	Mã cơ sở y tế	Mã cấp trên	Tuyên chuyên môn kỹ thuật	Hạng bệnh viện	Loại hình hoạt động	Phạm vi hoạt động	Khả năng tiếp nhận thẻ BHYT
21	Trạm y tế xã Noong Luổng	11022	11011	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 993
22	Trạm y tế xã Thanh Hưng	11023	11011	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 444
23	Trạm y tế xã Thanh Chấn	11024	11011	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 932
24	Trạm y tế xã Noong Hết	11025	11011	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 852
25	Trạm y tế xã Núa Ngam	11026	11011	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	3 440
26	Trạm y tế xã Thanh Luông	11027	11011	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 281
27	Trạm y tế xã Mường Lói	11028	11011	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 351
28	Trạm y tế xã Mường Pồn	11029	11011	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	3 496
29	Trạm y tế xã Pa Thơm	11030	11011	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 857
30	Trạm y tế xã Na Ú	11031	11011	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 756
31	Trạm y tế xã Phu Luông	11157	11011	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 875
32	Trạm y tế xã Pom Lót	11158	11011	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 517
33	Trạm Y tế xã Hẹ Muông	11170	11011	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	3 411
34	Trạm Y tế xã Hua Thanh	11171	11011	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	5 975
35	Trạm Y tế xã Na Tông	11177	11011	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 560
36	Bệnh viện Tâm thần	11016	11016	Tỉnh	Hạng 3	Công lập	BV - Bệnh viện chuyên khoa	
37	Trung tâm y tế huyện Điện Biên Đông	11032	11032	Huyện	Hạng 2	Công lập	BV - Bệnh viện đa khoa	10 583
38	Trạm y tế Xa Dung	11035	11032	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	4 797
39	Trạm y tế Luân Giới	11036	11032	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 975
40	Trạm y tế Phình Giàng	11037	11032	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 511
41	Trạm y tế Háng Lìa	11038	11032	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 849
42	Trạm y tế Keo Lôm	11039	11032	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	5 424
43	Trạm y tế Chiềng Sơ	11040	11032	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	3 748

STT	Cơ sở y tế	Mã cơ sở y tế	Mã cấp trên	Tuyển chuyên môn kỹ thuật	Hạng bệnh viện	Loại hình hoạt động	Phạm vi hoạt động	Khả năng tiếp nhận thẻ BHYT
44	Trạm y tế Phì Nhừ	11041	11032	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	6 579
45	Trạm y tế Na son	11042	11032	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	3 953
46	Trạm y tế Pú Nhi	11043	11032	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 713
47	Trạm y tế Noong U	11123	11032	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 897
48	Trạm y tế Pú Hồng	11124	11032	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	3 101
49	Trạm y tế Tia Dinh	11125	11032	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 121
50	Trạm y tế xã Mường Luân	11126	11032	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 497
51	Trung tâm y tế thị xã Mường Lay	11045	11045	Huyện	Hạng 3	Công lập	BV - Bệnh viện đa khoa	6 019
52	Trạm y tế phường Na Lay	11046	11045	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 175
53	Trạm y tế phường Sông Đà	11047	11045	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 175
54	Trạm y tế xã Lay nửa	11049	11045	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	3 248
55	Trung tâm y tế huyện Mường Chà	11048	11048	Huyện	Hạng 2	Công lập	BV - Bệnh viện đa khoa	10 672
56	Trạm y tế Mường Tùng	11050	11048	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	3 573
57	Trạm y tế Hừa Ngải	11052	11048	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 272
58	Trạm y tế Huổi Lèng	11053	11048	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 041
59	Trạm y tế Xá Tổng	11054	11048	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	4 227
60	Trạm y tế Mường Mươn	11055	11048	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 568
61	Trạm y tế Pa Ham	11056	11048	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 367
62	Trạm y tế Na Sang	11137	11048	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	4 508
63	Trạm y tế Sa Lông	11141	11048	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 712
64	Trạm y tế Ma Thi Hồ	11142	11048	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	4 952
65	Trạm y tế xã Huổi Mí	11159	11048	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 369
66	Trạm y tế xã Nậm Nền	11160	11048	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 239
67	Bệnh viện Y học cổ truyền	11051	11051	Tỉnh	Hạng 2	Công lập	BV - Bệnh viện chuyên khoa	9 152

STT	Cơ sở y tế	Mã cơ sở y tế	Mã cấp trên	Tuyển chuyên môn kỹ thuật	Hạng bệnh viện	Loại hình hoạt động	Phạm vi hoạt động	Khả năng tiếp nhận thẻ BHYT
68	Trung tâm y tế huyện Tủa Chùa	11060	11060	Huyện	Hạng 2	Công lập	BV - Bệnh viện đa khoa	38 037
69	Trạm y tế Tủa Thàng	11063	11060	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	5 649
70	Trạm y tế Trung Thu	11065	11060	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	3 664
71	Trạm y tế Mường Đùn	11066	11060	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	3 956
72	Trạm y tế Sinh Phình	11067	11060	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	6 235
73	Trạm y tế Sin Chải	11069	11060	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	3 389
74	Trạm y tế Huổi Sớ	11070	11060	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 165
75	Trạm y tế xã Tà Phìn	11071	11060	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	3 911
76	Trạm y tế Lao Xá Phình	11072	11060	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 367
77	Phòng khám đa khoa KV Xá Nhè	11103	11060	Huyện	Chưa xếp hạng	Công lập	PK - Phòng khám đa khoa	5 108
78	Trạm y tế Thị trấn Tủa Chùa	11114	11060	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 021
79	Phòng khám đa khoa KV Tà Sin Thàng	11145	11060	Huyện	Chưa xếp hạng	Công lập	PK - Phòng khám đa khoa	4 396
80	Trung tâm y tế huyện Nậm Pồ	11061	11061	Huyện	Hạng 3	Công lập	BV - Bệnh viện đa khoa	17 225
81	Trạm y tế Chà Nưa	11058	11061	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 371
82	Trạm y tế Chà Tở	11059	11061	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 133
83	Trạm y tế Pa Tần	11107	11061	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 139
84	Trạm y tế Nà Khoa	11108	11061	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 595
85	Trạm y tế Nà Búng	11109	11061	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	5 863
86	Phòng khám đa khoa KV Si Pa Phìn	11131	11061	Huyện	Chưa xếp hạng	Công lập	PK - Phòng khám đa khoa	5 077
87	Trạm y tế Phìn Hồ	11143	11061	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	3 543
88	Trạm y tế Nậm Khăn	11144	11061	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 007
89	Phòng khám Quân dân y KV Ba Chà	11147	11061	Huyện	Chưa xếp hạng	Công lập	PK - Phòng khám đa khoa	3 905
90	Trạm y tế Na Cô Sa	11150	11061	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 403
91	Trạm y tế xã Vàng Đán	11162	11061	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 608

STT	Cơ sở y tế	Mã cơ sở y tế	Mã cấp trên	Tuyển chuyên môn kỹ thuật	Hạng bệnh viện	Loại hình hoạt động	Phạm vi hoạt động	Khả năng tiếp nhận thẻ BHYT
92	Trạm Y tế xã Nậm Chua	11168	11061	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 480
93	Trạm Y tế xã Nậm Tin	11172	11061	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 587
94	Trạm Y tế xã Nậm Nhừ	11174	11061	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 539
95	Trung tâm y tế huyện Mường Nhé	11073	11073	Huyện	Hạng 3	Công lập	BV - Bệnh viện đa khoa	20 780
96	Trạm y tế Mường Toong	11074	11073	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	4 387
97	Trạm y tế Sín Thầu	11075	11073	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 149
98	Trạm y tế Chung Chải	11076	11073	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 027
99	Trạm y tế Nậm Kè	11105	11073	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	4 748
100	Trạm y tế Quảng Lâm	11106	11073	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 988
101	Trạm y tế Nậm Vì	11149	11073	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	3 495
102	Trạm y tế Pá Mỳ	11151	11073	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 219
103	Trạm y tế Sen Thượng	11152	11073	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	792
104	TYT Xã Huổi Léch	11175	11073	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 289
105	Phòng khám Quân dân KV Leng Su Sìn	11178	11073	Huyện	Chưa xếp hạng	Công lập	PK - Phòng khám đa khoa	1 173
106	Trung tâm y tế huyện Tuần Giáo	11080	11080	Huyện	Hạng 2	Công lập	BV - Bệnh viện đa khoa	34 664
107	Trạm y tế Quài Cang	11084	11080	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	7 971
108	Trạm y tế Quài Tở	11085	11080	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	6 977
109	Trạm y tế Quài Nưa	11086	11080	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	4 599
110	Trạm y tế Tỏa Tinh	11087	11080	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	937
111	Trạm y tế Pú Nhung	11088	11080	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 903
112	Trạm y tế Tênh Phong	11089	11080	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	677
113	Trạm y tế Ta Ma	11090	11080	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 612
114	Trạm y tế Phình Sáng	11091	11080	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	5 659

STT	Cơ sở y tế	Mã cơ sở y tế	Mã cấp trên	Tuyển chuyên môn kỹ thuật	Hạng bệnh viện	Loại hình hoạt động	Phạm vi hoạt động	Khả năng tiếp nhận thẻ BHYT
115	Trạm y tế Mường Mùn	11092	11080	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	4 263
116	Trạm y tế Mùn Chung	11093	11080	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 384
117	Trạm y tế Mường Thín	11094	11080	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 783
118	Trạm y tế Nà Sáy	11100	11080	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 300
119	Trạm y tế Chiềng Sinh	11117	11080	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	3 069
120	Trạm y tế xã Chiềng Đông	11163	11080	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	3 536
121	Trạm y tế xã Mường Khong	11164	11080	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 440
122	Trạm y tế xã Rạng Đông	11165	11080	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 499
123	Trạm y tế xã Pú xi	11166	11080	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 409
124	Trạm y tế xã Nà Tòng	11167	11080	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	1 128
125	Trung tâm y tế huyện Mường Ảng	11082	11082	Huyện	Hạng 2	Công lập	BV - Bệnh viện đa khoa	19 336
126	Phòng khám đa khoa KV Búng Lao	11083	11082	Huyện	Chưa xếp hạng	Công lập	PK - Phòng khám đa khoa	4 307
127	Trạm y tế Mường Lạn	11095	11082	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	4 201
128	Trạm y tế ằng Cang	11096	11082	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	5 931
129	Trạm y tế ằng Nưa	11097	11082	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 163
130	Trạm y tế ằng Tờ	11098	11082	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	5 424
131	Trạm y tế Mường Đăng	11099	11082	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 772
132	Trạm y tế Xuân Lao	11138	11082	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	4 891
133	Trạm y tế Nậm Lịch	11139	11082	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 497
134	Trạm y tế Ngòi Cáy	11140	11082	Xã	Chưa xếp hạng	Công lập	TYT - Trạm y tế	2 619
135	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên	11102	11102	Tỉnh	Chưa xếp hạng	Công lập	PK - Phòng khám đa khoa	
136	Bệnh viện phổi	11135	11135	Tỉnh	Hạng 3	Công lập	BV - Bệnh viện chuyên khoa	
137	Bệnh viện 7-5	11156	11156	Huyện	Hạng 3	Công lập	BV - Bệnh viện đa khoa	22 368

STT	Cơ sở y tế	Mã cơ sở y tế	Mã cấp trên	Tuyên chuyên môn kỹ thuật	Hạng bệnh viện	Loại hình hoạt động	Phạm vi hoạt động	Khả năng tiếp nhận thẻ BHYT
138	Phòng khám đa khoa Thanh Hải	11169	11169	Huyện	Chưa xếp hạng	Ngoài công lập	PK - Phòng khám đa khoa	44 219
139	Phòng khám đa khoa Bình An	11173	11173	Huyện	Chưa xếp hạng	Ngoài công lập	PK - Phòng khám đa khoa	22 508
				Tổng				754 340